

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2019/HS-ST**

Ngày 19-03-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Phường**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Trương Văn Hải;**

- Ông **Nguyễn Văn Dũng;**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Thạch** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Thị Thanh N - sinh năm 1992

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 171/4G, khóm Đ, phường M, thành phố L X, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật; con ông Huỳnh Công B— không rõ năm sinh và bà Dương Thị P, sinh năm 1966; Anh, chị em ruột: không; Tiền sự: không; Tiền án: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 24 tháng 12 năm 2018.

2. Võ Trung T - sinh năm 1999

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, thị trấn T, huyện G, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật; con ông Võ Văn D, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1959; bị cáo 05 người anh ruột lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm

1993; Tiền sự: không; Tiền án: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 9 năm 2018.

3. Nguyễn Văn T1 - sinh năm 1998

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã T, huyện G, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1973 và bà Võ Thị Bé B, sinh năm 1978; bị cáo có 02 anh, chị em ruột; Tiền sự: không; Tiền án: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trương Hoài T2– 1973

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, thành phố Cần Thơ.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Danh Quốc B** – 1999; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện G, thành phố Cần Thơ.

2. Anh **Trương Thanh V**– 2003 có giám hộ là Huỳnh Thị Bé B - 1977; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, thành phố Cần Thơ.

3. Anh **Huỳnh Văn Đ**, sinh ngày 27/4/2001- giám hộ là Danh Thị H có mẹ ruột là bà Bùi Thị X - 1965 ; địa chỉ: ấp S, xã B, huyện G, thành phố Cần Thơ.

4. Anh **Phan Vũ L** – 2000 có giám hộ là ông Phan Tấn L

5. Anh **Cao Minh T**- 1993

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện G, thành phố Cần Thơ.

6. Anh **Trần Thanh P** – 1988; địa chỉ: ấp V, thị trấn S, huyện G, thành phố Cần Thơ.

7. Anh **Đoàn Hoài G** - 1990

8. Chị **Nguyễn Thị O**– 1995

Cùng địa chỉ: ấp V, thị trấn S, huyện G, thành phố Cần Thơ.

9. Anh **Trương Thanh H** -1990; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, thành phố Cần Thơ.

10. Bà **Đoàn Thanh H** – 1960; địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện G, thành phố Cần Thơ.

11. Ông **Nguyễn Minh K** – 1961; địa chỉ: Khóm Đ, phường M, thành phố L, An Giang.

12. Anh **Phạm Ngọc T**– 1994; địa chỉ: ấp V thị trấn S, huyện G, thành phố Cần Thơ.

(Các bị cáo, người làm chứng L có mặt, đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ, ngày 21/9/2018, T điều khiển xe mô tô biển số 67B1-914.84 đến khu vực thuộc ấp V, thị trấn S thì bị cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp, qua kết quả khám xét phát hiện trong túi quần sau bên phải của T có 01 gói ni lon được hàn kín bên trong có chứa các tinh thể không màu (ngghi vẫn là ma túy đá)

Tại Kết luận giám định số: 600/KL-PC09 ngày 27/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: Tinh thể không màu trong gói nion gửi giám định, được niêm phong có chữ ký ghi tên Võ Trung T là ma túy, khối lượng 0,0771 gam, loại Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra T khai nhận số ma túy đá là của Huỳnh Thị Thanh N đưa cho T để Tmang giao bán cho Danh Quốc B với số tiền 300.000 đồng nhưng chưa bán được thì bị bắt.

T khai nhận từ khoảng 06/2018 đến ngày 21/9/2018 giao bán ma túy dùm cho N nhiều lần để hưởng tiền công 50.000 đồng/ngày, ngoài ra còn có Nguyễn Văn T1 là người cùng đi với T giao bán ma túy dùm cho N.

Qua làm việc, Huỳnh Thị Thanh N thừa nhận bắt đầu bán ma túy từ khoảng tháng 6/2018 đến 21/9/2018 thì bị bắt, N bán ma túy cho người với số tiền thấp nhất 150.000 đồng cao nhất là đến 400.000 đồng. Phương thức và thủ đoạn mua bán ma túy là khi có người nghiện gọi điện thoại hỏi mua ma túy, N đồng ý và hẹn địa điểm giao ma túy sau đó lấy tiền. Ngoài ra, N còn thuê T và T1 bán ma túy cho N, mỗi ngày N trả cho T 50.000 đồng, còn T1 được N trả tổng cộng 400.000 đồng và cho ma túy sử dụng. N giao điện thoại và xe của N cho T và T1 đi bán ma túy.

Để có ma túy bán cho người nghiện N và T đi đến thành phố L, tỉnh An Giang hỏi mua ma túy của một người đàn ông tên V (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) với số tiền là 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng, N là người trực tiếp phân chia ma túy thành từng gói nhỏ sau đó giao lại cho T và T1 đi bán.

Qua làm việc với T1, T1 khai nhận bán ma túy cho N được khoảng 8 đến 10 lần, mỗi lần đi bán đều đi chung với T, khi bán xong đưa tiền cho T, T đưa lại cho N, N cho ma túy T sử dụng, riêng 02 lần cuối N cho T1 mỗi lần được 200.000 đồng. Ngoài ra T1 còn khai nhận trước khi bán ma túy dùm cho N, T1 có mua ma túy của N 01 lần với số tiền 200.000 đồng nhưng N chỉ lấy 120.000 đồng, lần này T là người giao bán ma túy cho T1.

Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với Danh Quốc B, Huỳnh Văn Đ, Trương Thanh V, Nguyễn Thị O, Phạm Ngọc T, Đoàn Hoài G, Cao Minh T, Phan Vũ L, Trần Thanh P, qua làm việc tất cả điều thừa nhận có mua ma túy của N, T và T1 từ 01 đến nhiều lần.

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKSVT-HS ngày 25/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, truy tố các bị cáo Huỳnh Thị Thanh N, Võ Trung T, Nguyễn Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Vĩnh Thạnh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Huỳnh Thị Thanh N, Võ Trung T, Nguyễn Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị:

Tuyên bố: các bị cáo Huỳnh Thị Thanh N, Võ Trung T, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Đề nghị áp dụng: Điểm b,c khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 58, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Thanh N mức án từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù; Xử phạt bị cáo Võ Trung T mức án từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 mức án từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

Về vật chứng vụ án đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Gói niêm phong sau giám định số 600/KL – PC09 ngày 27/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ; 01 quẹt ga; 01 cây kéo; 06 gói ni lon hàn kín.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án sim số 0932899194; sim 0975187730; 01 sim số 0928.802.948 có số seri sim: 89840509181133700754.

Tịch thu sung vào công quỹ 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng đồng - trắng, số IMEI 1: 862646035984472, IMEI 2: 862646035984464; 01 điện thoại hiệu Viettel, model: V6314, màu đỏ đen; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Band LTE màu đen, hồng; 01 xe mô tô biển số 67B1- 914.84 nhãn hiệu YAMAHA, số loại NOUVO số máy RLCN2B5205Y057068, số khung 2B52057068 màu sơn đen – xám – bạc (của N làm phương tiện đi mua bán ma túy).

Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh trả lại cho ông Trương Hoài Thanh 01 (Một) Xe gắn máy biển số 66FH – 4867, nhãn hiệu Nagaki, số máy FMBN 039725, số khung 9139725, màu sơn xanh bạc; 01 (Một) xe gắn máy biển số 66FK – 3035, nhãn hiệu Ferroli, số máy FMB 043506, số khung UM8XB 43056 màu sơn đen, xám.

Tại phiên tòa, các bị cáo N, T, T1 thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã mô tả, bị cáo N và T1 nói lời sau cùng: bị cáo ân hận về hành vi của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, riêng bị cáo T không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt người tham gia tố tụng này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo N, T và T1 thành khẩn khai nhận, đề có tiền tiêu xài, từ tháng 6/2018 đến ngày 21/9/2018, Huỳnh Thị Thanh N trực tiếp liên hệ với đối tượng tên “V” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để mua ma túy với số tiền

từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ. N là người trực tiếp chia ma túy thành từng gói nhỏ, sau đó giao lại cho T và T1 bán để kiếm lời. T và T1 đều được chia lợi nhuận từ việc mua bán trái phép chất ma túy, ngoài ra T1 còn được N cho ma túy để sử dụng. Trong khoảng thời gian nêu trên, T1 giúp N bán ma túy từ 08 đến 10 lần cho các đối tượng nghiện gồm Danh Quốc B, Huỳnh Văn Đ, Trương Thanh V, Nguyễn Thị O, Phạm Ngọc T, Đoàn Hoài G, Cao Minh T, Phan Vũ L, Trần Thanh P. Lời khai nhận tội nêu trên của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định về ma túy của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Cần Thơ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Bản thân các bị cáo N, T và T1, tại thời điểm phạm tội có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, dưới sự chỉ đạo của bị cáo N, các bị cáo T và T1 đã trực tiếp bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng nghiện trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh. Đủ cơ sở xác định, hành vi của các bị cáo N, T và T1 đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh được quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về khung hình phạt: Các bị cáo bán ma túy từ 08 đến 10 lần, và bán ma túy cho 09 đối tượng nghiện ma túy, vì vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt “phạm tội từ 02 lần trở lên” và “đối với 02 người trở lên” được quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 251, khoản 2, điểm b, c Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

a).....

b) Phạm tội từ 02 lần trở lên;

c) Đối với 02 người trở lên;

Cáo trạng số 06/CT-VKSVT-HS ngày 25/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo.

[4] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý, sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, ma túy còn là nguyên nhân của các tội phạm khác. Vì vậy Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển... trái phép chất ma túy nhằm tạo môi trường sống, học tập, lao động lành mạnh, không có tệ nạn xã hội. Các bị cáo N, T và T1 đều nhận thức rõ hiểm họa của ma túy nhưng xuất phát từ tính chất siêu lợi nhuận có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy, từ đó các bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật nhằm mục đích thu lợi bất chính cho bản thân. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Về căn cứ quyết định hình phạt và tính chất đồng phạm trong vụ án: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, vì vậy khi quyết định hình phạt cần xem xét tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhằm phân hóa hình phạt. Bị cáo Huỳnh Thị Thanh N tham gia với vai trò chủ mưu, trực tiếp bỏ tiền mua ma túy, chia nhỏ ma túy, sau đó giao lại cho T và T1 để trực tiếp bán cho các đối tượng nghiện. Vì vậy mức án dành cho bị cáo N phải nghiêm khắc hơn so với các bị cáo T và T1. Bị cáo T vì muốn được chia lợi nhuận nên đồng ý giúp N bán ma túy, bị cáo T1 vì muốn có tiền tiêu xài và để có ma túy sử dụng cũng giúp N thực hiện bán ma túy cho các đối tượng nghiện. Các bị cáo T và T1 tham gia với vai trò giúp sức, tính chất và mức độ tham gia phạm tội như nhau, do đó mức án dành cho T và T1 là ngang nhau và thấp hơn bị cáo N.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Trước và sau thời điểm phạm tội, các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về vật chứng của vụ án:

+ 01 (Một) gói niêm phong sau giám định số 600/KL-PC09 ngày 27/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ là vật cấm lưu hành; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung Band LTE màu đen, hồng thu giữ của bị cáo N đã hư hỏng, không còn giá trị sử dụng; 01 (Một) sim số 0932.899.194 thu giữ của bị cáo N, 01 (Một) sim số 0975.187.730, có số seri sim 8984048008812481580 thu giữ của Trương Thanh V sử dụng làm phương tiện liên lạc để bán ma túy; 01 (Một) sim số 0928.802.948 có số seri sim: 89840509181133700754 thu giữ của bị cáo T tại phiên tòa bị cáo có ý kiến không nhận lại, không còn giá trị sử dụng; các vật chứng không còn giá trị sử dụng thu giữ tại nhà của bị cáo N khi khám xét khẩn cấp gồm: 01 (Một) quạt gas, 01 (Một) cây kéo, 06 gói nylon (không có gì bên trong), cần áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy.

+ Số tiền Việt Nam 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng), trong đó 100.000đ thu giữ của bị cáo T là tiền thu lợi bất chính; 300.000đ thu giữ của Danh Quốc B là tiền sử dụng vào việc phạm tội (mua ma túy). Vì vậy cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng đồng, trắng, số Imei 1: 862646035984472, số Imei 2: 862646035984464 thu giữ của bị cáo Võ

Thành T; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Viettel, model: V6314, màu đỏ đen thu giữ của Trương Thanh V; 01 xe mô tô biển số 67B1-914.84, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, số máy RLCN2B5205Y057068, số khung 2B52057068, màu sơn đen, xám, bạc là tài sản của bị cáo N, giao cho các bị cáo T và T. Các tài sản nêu trên sử dụng làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015.

+ 01 (Một) Xe gắn máy biển số 66FH – 4867, nhãn hiệu Nagaki, số máy FMBN 039725, số khung 9139725, màu sơn xanh bạc; 01 (Một) xe gắn máy biển số

66FK – 3035, nhãn hiệu Ferrolì, số máy FMB 043506, số khung UM8XB 43056 màu sơn đen, xám là tài sản hợp pháp của Trương Hoài T, không liên quan đến tội phạm, quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo N, T, T1 là người bị kết án nên phải nộp án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Các vấn đề khác:

Đối với các đối tượng nghiện Danh Quốc B, Huỳnh Văn Đ, Trương Thanh V, Nguyễn Thị O, Phạm Ngọc T, Đoàn Hoài G, Cao Minh T, Phan Vũ L, Trần Thanh P, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Thạnh đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính và đề nghị chính quyền địa phương lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Nghị định 111/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

Đối với đối tượng tên “V”, là người bán ma túy cho N, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Thạnh đã tiến hành xác minh nhưng hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch, do đó đề nghị Công an huyện Vĩnh Thạnh tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b, c khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.
- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thị Thanh N, Võ Trung T (tên gọi khác: Bi), Nguyễn Văn T1 phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1.1. Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Thanh N 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo N được tính từ ngày 24/12/2018;

1.2. Xử phạt bị cáo Võ Trung T (tên gọi khác: Bi) 08Tám) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo T được tính từ ngày 21/9/2018;

1.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo T1 được tính từ ngày 01/01/2019;

2. Về xử lý vật chứng:

2.1. Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) gói niêm phong sau giám định số 600/KL-PC09 ngày 27/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung Band LTE màu đen - hồng; 01 (Một) sim số 0932.899.194; 01 (Một) sim số 0975.187.730, có số seri sim 8984048008812481580; 01 (Một) sim số 0928.802.948 có số seri sim: 89840509181133700754; 01 (Một) que gạt gas, 01 (Một) cây kéo, 06 gói nylon (không có gì bên trong).

2.2. Nộp vào ngân sách nhà nước số tiền Việt Nam 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng);

2.3. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng đồng, trắng, số Imei 1: 862646035984472, số Imei 2: 862646035984464; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Viettel, model: V6314, màu đỏ đen; 01 xe mô tô biển số 67B1-914.84, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo, số máy RLCN2B5205Y057068, số khung 2B52057068, màu sơn đen, xám, bạc.

(Số tiền Việt Nam đồng, vật chứng, tài sản nêu trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh theo Quyết định chuyển vật chứng số: 07/QĐ-VKS-VT ngày 25/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ).

Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh trả lại cho ông Trương Hoài Thanh 01 (Một) Xe gắn máy biển số 66FH – 4867, nhãn hiệu Nagaki, số máy FMBN 039725, số khung 9139725, màu sơn xanh bạc; 01 (Một) xe gắn máy biển số 66FK – 3035, nhãn hiệu Ferroli, số máy FMB 043506, số khung UM8XB 43056 màu sơn đen- xám.

3. Về án phí: Các bị cáo Huỳnh Thị Thanh N, Võ Trung T, Nguyễn Văn T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Huỳnh Thị Thanh N, Võ Trung T, Nguyễn Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Hoài Thanh được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Công an nhân dân huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Cẩm Phường